

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HSST

Ngày 18 - 12 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thối Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thối Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thối Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-HS ngày 08/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Trùng D, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Y sĩ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Đình T, sinh năm 1963 và bà Trương Tuyết L, sinh năm 1965; Anh em ruột: 04 người, bị cáo nhỏ nhất; Vợ: Nguyễn Như N, sinh năm 1984; Con: 01 người sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo D bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

1/ Bà Lê Thúy L1, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Phạm Thị G, sinh năm 1957. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Hồ Văn B, sinh năm 1960. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Vương Chà B1, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5/ Bà Thái Thị Hồng L2, sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6/ Ông Nguyễn Văn Quân E, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

7/ Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

8/ Bà Trương Mộng C, sinh năm 1980. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

9/ Bà Tô Kim N1, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

10/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

11/ Ông Trần Văn Â, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

12/ Ông Võ Vũ N2, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

13/ Bà Quách Thị S, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

14/ Ông Đinh Văn N3, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

15/ Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1969. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

16/ Bà Lê Thị T1, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

17/ Bà Nguyễn Kim T2, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

18/ Ông Trương Văn H, sinh năm 1962. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

19/ Ông Lê Văn D1, sinh năm 1956. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

20/ Bà Bùi Thị Hồng D2, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

21/ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- 22/ Bà Trương Mỹ L3, sinh năm 1979. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 23/ Bà Đinh Ngọc T3, sinh năm 1975. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 24/ Bà Huỳnh Kim T4, sinh năm 1960. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 25/ Bà Lê Cẩm T5, sinh năm 1972. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 26/ Bà Trà Thu Đ, sinh năm 1995. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 27/ Ông Trần Văn G1, sinh năm 1982. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 28/ Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1977. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 29/ Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1948. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 30/ Bà Trần Diễm T7, sinh năm 1968. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 31/ Ông Quách Chí T8, sinh năm 1978. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 32/ Ông Tô Văn Đ1, sinh năm 1978. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 33/ Bà Võ Thị L4, sinh năm 1971. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 34/ Bà Trương Thị Á, sinh năm 1967. Vắng mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 35/ Bà Đinh Thị L5, sinh năm 1988. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 36/ Bà Nguyễn Thị T9, sinh năm 1965. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 37/ Ông Trần Thanh Đ2, sinh năm 1978. Có mặt
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- 38/ Ông Đặng Hữu T10, sinh năm 1965. Có mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Như N, sinh năm 1984 (vợ D). Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Dương Thị B2, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Trùng D và vợ là Nguyễn Như N làm chủ hội từ năm 2019 và mở nhiều dây hội cho hội viên tham gia để hưởng tiền cò (hoa hồng trên mỗi kỳ khai hội là 50% đối với mỗi kỳ hội). Ngoài ra, còn có Võ Thanh D3 là người làm công cho gia đình D tham gia phụ giúp Dương khai hội và thu tiền hội. Mặc dù D, N cùng mở hội nhưng việc tổ chức dây hội, quyết định ai hốt, giao tiền hội cho ai là do D quyết định. Quá trình làm chủ hội D có lập danh sách hội giao cho hội viên và quy định thể lệ chơi hội, thời gian bỏ thăm (khai hội), gom tiền và giao tiền hội rõ ràng. Theo đó, hội viên bỏ thăm cao hơn sẽ được hốt hội. D, N không mở sổ theo dõi việc bỏ thăm và hốt hội của từng dây hội, nhưng D, N có theo dõi tiền khai hội bằng cách trực tiếp ghi vào danh sách hội viên của từng dây, đồng thời khi giao tiền hội cho hội viên, D, N có làm biên nhận.

Khoảng tháng 10/2021, D bị thâm hụt tiền do tiêu xài, hội viên Trịnh Thị M hốt hội nhưng không đóng lại hội chết và một số hội viên đóng hội chết trễ nên D nảy sinh ý định tự ý hốt hội của hội viên. D lợi dụng những hội viên không đi bỏ thăm rồi tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm để hốt hội, lấy tiền phục vụ cho mục đích cá nhân (tiêu xài và lấp hội). Đến tháng 2/2023 âm lịch, D tuyên bố đình hội thì còn lại 10 dây hội liên quan đến 85 hội viên. Trong đó, có 06 dây hội liên quan đến 38 hội viên bị D chiếm đoạt với số tiền 247.890.000đ. Cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Mở ngày 06/10/2020 (nhằm ngày 20/8/2020 âm lịch), loại hội 1.000.000đ/tháng, khai vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, gồm 33 chân. D tham gia chơi 04 chân và mượn hội của hội viên Trương Mỹ L3 01 chân, của hội viên Nguyễn Kiều O 01 chân. D đã hốt 06 chân. Dây hội này đã khai được 28 kỳ (28 chân), hội viên thực hốt 25 chân. D tự ý lấy tên hội viên vắng mặt bỏ thăm hốt 03 chân, chiếm đoạt số tiền 61.420.000đ, cụ thể như sau:

Kỳ 13 (tháng 10/2021 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Cô B1” (Vương Chà B1), bỏ thăm 380.000đ để hốt, chiếm đoạt 19.640.000đ.

Kỳ 14 (tháng 11/2021 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Chú 4 H (Bà C1)” (Trương Văn H), bỏ thăm 360.000đ để hốt, chiếm đoạt 20.080.000đ.

- Kỳ 20 (tháng 5/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Cô L4 (T11)” (Lê Thúy L1), bỏ thăm 350.000đ để hốt, chiếm đoạt 21.700.000đ.

Còn 08 chân của 06 hội viên đóng hội chưa được hốt gồm:

- + Lê Thúy L1: 02 chân đóng 30.480.000đ.
- + Trương Văn H: 01 chân đóng 15.240.000đ.
- + Phạm Thị G: 01 chân đóng 15.240.000đ.
- + Hồ Văn B: 01 chân đóng 15.240.000đ.
- + Vương Chà B1: 02 chân đóng 30.480.000đ.
- + Thái Thị Hồng L2: 01 chân đóng 15.240.000đ.

Dây thứ 2: Mở ngày 16/5/2021 (nhằm ngày 05/4/2021 âm lịch), loại hội 1.000.000đ/tháng, khai vào ngày 05 âm lịch hàng tháng, gồm 20 chân, D tham gia chơi 03 chân và mượn của hội viên Nguyễn Kiều O 02 chân. D đã hót 05 chân. Dây hội này đã khai được 19 kỳ (19 chân), hội viên thực hót 17 chân, D tự ý lấy tên hội viên hót 02 chân, chiếm đoạt số tiền 26.900.000đ, cụ thể như sau:

- Kỳ 11 (tháng 4/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Cô L2 (C)” (Thái Thị Hồng L2), bỏ thăm 300.000đ để hót, chiếm đoạt 13.400.000đ.

- Kỳ 14 (tháng 7/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Anh Quân E” (Nguyễn Văn Quân E), bỏ thăm 350.000đ để hót, chiếm đoạt (l) 13.500.000đ.

Còn 03 chân của 03 hội viên đóng hội chưa được hót gồm:

- + Nguyễn Văn Q Em: 01 chân đóng 12.590.000đ.
 - + Thái Thị Hồng L2: 01 chân đóng 12.590.000đ.
 - + Nguyễn Hoàng K: 01 chân đóng 12.590.000đ.
- (BL: 214 đến 216, 261, 262, 263, 266, 306, 307)

Dây thứ 3: Mở ngày 24/7/2021 (nhằm ngày 15/6/2021 âm lịch), loại hội 2.000.000đ/tháng, khai vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, gồm 20 chân, D tham gia chơi 01 chân, D đã hót. Dây hội này đã khai được 17 kỳ (17 chân), hội viên thực hót 14 chân, D tự ý lấy tên hội viên hót 03 chân, chiếm đoạt số tiền 82.350.000đ, cụ thể như sau:

- Kỳ 8 (tháng 3/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Chú 4 D1 (5 Chung CP)” (Trương Mộng C), bỏ thăm 850.000đ để hót, chiếm đoạt số tiền 26.950.000đ.

- Kỳ 9 (tháng 4/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên (Trần Văn Â), bỏ thăm 800.000đ để hót, chiếm đoạt số tiền 27.600.000đ.

- Kỳ 11 (tháng 6/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Chú 4 D1 (5 Chung CP)” (Lê Văn D1), bỏ thăm 850.000đ để hót, chiếm đoạt số tiền 27.800.000đ.

Còn 06 chân của 06 hội viên đóng hội chưa được hót gồm:

- + Trương Mộng C: 01 chân đóng 17.520.000đ.
- + Lê Văn D1: 01 chân đóng 17.520.000đ.
- + Tô Kim N1: 01 chân đóng 17.520.000đ.
- + Nguyễn Văn P: 01 chân đóng 17.520.000đ.

+ Trần Văn Ân: 01 chân đóng 17.520.000đ.

+ Võ Vũ N2: 01 chân đóng 17.520.000đ.

Dây thứ 4: Mở ngày 23/12/2021 (nhằm ngày 20/11/2021 âm lịch), loại hội 2.000.000đ/tháng, khai vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, gồm 20 chân, T, N tham gia chơi 02 chân, mượn của hội viên Đinh Thị H2 01 chân. D đã hết hết 03 chân. Dây hội này đã khai được 15 kỳ (15 chân), hội viên thực hết 13 chân, D tự ý hết 02 chân, chiếm đoạt số tiền 44.670.000đ. Cụ thể như sau:

- Kỳ 4 (tháng 2/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Chú 4 Dũng” (Lê Văn D1), bỏ thăm 850.000đ để hết, chiếm đoạt số tiền 21.550.000đ.

- Kỳ 9 (tháng 7/2022 âm lịch): D tự ý lấy tên hội viên “Chú 4 Dũng” (Lê Văn D1), bỏ thăm 920.000đ để hết, chiếm đoạt số tiền 23.120.000đ.

Còn 07 chân của 06 hội viên đóng hội nhưng chưa được hết gồm:

- Trương Văn H: 01 chân đóng 13.260.000đ.

- Tô Kim Nhí: 01 chân đóng 13.260.000đ.

- Lê Văn D1: 02 chân đóng 26.520.000đ.

- Tô Văn Đ1: 01 chân đóng 13.260.000đ.

- Nguyễn Văn P: 01 chân đóng 13.260.000đ.

- Quách Chí Thanh: 01 chân đóng 13.260.000đ.

Dây thứ 5: Mở ngày 11/01/2022 (nhằm ngày 09/12/2021 âm lịch), loại hội 1.000.000đ/tháng, khai vào ngày 09 âm lịch hàng tháng, gồm 32 chân, D, N tham gia chơi 03 chân, D đã hết hết 03 chân. Dây hội này đã khai được 13 kỳ (13 chân), hội viên thực hết 12 chân, D tự ý hết 01 chân. Tại kỳ 6 (tháng 5/2022 âm lịch) D tự ý lấy tên hội viên “Dì 10” (T), bỏ thăm 350.000đ để hết, chiếm đoạt số tiền 19.550.000đ.

Còn 20 chân của 15 hội viên đóng hội nhưng chưa được hết gồm:

+ Bùi Thị Hồng D2: 01 chân đóng 7.060.000đ.

+ Trần Văn Ân: 01 chân đóng 6.410.000đ.

+ Trần Thị H1: 01 chân đóng 7.060.000đ.

+ Quách Thị S: 02 chân đóng 13.120.000đ.

+ Trương Mỹ L3: 01 chân đóng 7.060.000đ.

+ Đinh Văn N3: 04 chân đóng 28.240.000đ.

+ Đinh Ngọc T3: 01 chân đóng 6.560.000đ.

+ Huỳnh Kim T4: 01 chân đóng 7.060.000đ.

+ Phạm Thị P1: 02 chân đóng 14.120.000đ.

+ Lê Thị T1: 01 chân đóng 6.560.000đ.

+ Tô Kim N1: 01 chân đóng 7.060.000đ.

- + Lê Cẩm T5: 01 chân đóng 7.060.000đ.
- + Thái Thị Hồng L2: 01 chân đóng 6.010.000đ.
- + Nguyễn Kim T2: 01 chân đóng 7.060.000đ.
- + Trà Thu Đ: 01 chân đóng 6.560.000đ.

(BL: 226 đến 229, 273, 274, 335, 340 đến 343, 378, 382, 383, 385, 387, 388, 394, 395, 397, 416, 417, 418, 433, 442, 447, 449, 451)

Dây thứ 6: Mở ngày 06/02/2022 (nhằm ngày 06/01/2022 âm lịch), loại hụi 1.000.000đ/tháng, khai vào ngày 06 âm lịch hàng tháng, gồm 30 chân, D, N tham gia chơi 02 chân, D đã hốt hết 02 chân. Dây hụi này đã khai được 12 kỳ (12 chân), hụi viên thực hốt 11 chân, D tự ý hốt 01 chân. Tại kỳ 6 (tháng 6/2022 âm lịch) D tự ý lấy tên hụi viên “Chú 4 Dững” (Lê Văn D1), bỏ thăm 600.000đ để hốt, chiếm đoạt số tiền 13.000.000đ.

Còn 19 chân của 14 hụi viên đóng hụi nhưng chưa được hốt gồm:

- Đặng Hữu T10: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Đinh Thị L5: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Nguyễn Thị K1: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Trương Văn H: 02 chân đóng 11.720.000đ.
- Lê Văn D1: 03 chân đóng 17.580.000đ.
- Quách Chí Thanh: 02 chân đóng 11.720.000đ.
- Tô Văn Đ1: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Trần Diễm T7: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Nguyễn Thị T9: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Trương Thị Á: 02 chân đóng 11.720.000đ.
- Trần Văn G1: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Nguyễn Thị T6: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Trần Thanh Đ2: 01 chân đóng 5.860.000đ.
- Võ Thị L4: 01 chân đóng 5.860.000đ.

(Bút lục: 232 đến 234, 811 đến 816, 832 đến 834, 970)

Tổng số tiền D tự ý lấy tên hụi viên để hốt hụi chiếm đoạt tiền của các hụi viên là 247.890.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm chín chục ngàn đồng).

Về vật chứng: Quá trình điều tra bị can D và Nguyễn Như N có giao nộp: 10 danh sách hụi, 59 giấy xác nhận nhận tiền của D và N dùng để ghi danh sách các dây hụi và theo dõi việc khai hụi, giao nhận tiền hụi. Hiện các đồ vật này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đưa vào hồ sơ vụ án. (BL: 86, 94, 95)

Về dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại yêu cầu D, N trả lại tiền hụi đã đóng chưa được hốt với số tiền như sau:

- Lê Thúy L1 26.000.000đ. (BL: 288)
- Phạm Thị G 15.240.000đ. (BL: 323)
- Hồ Văn B 9.240.000đ. (BL: 377)
- Vương Chà B1 23.480.000đ. (BL: 283)
- Thái Thị Hồng L2 48.250.000đ. Trong đó, có 9.610.000đ ở những dây hụi không bị D chiếm đoạt (BL: 268, 269)
- N Em 12.590.000đ. (BL: 263)
- Nguyễn Hoàng K 12.590.000đ. (BL:307)
- Trương Mộng C 12.000.000đ. (BL: 280)
- Tô Kim Nhí 56.500.000đ. Trong đó, có 37.940.000đ ở những dây hụi không bị D chiếm đoạt. (BL:370)
- Nguyễn Văn P 64.000.000đ. Trong đó, có 38.000.000đ ở những dây hụi không bị D chiếm đoạt. (BL:303)
- Trần Văn Â 23.930.000đ. (BL:275)
- Võ Vũ N2 37.190.000đ. Trong đó, có 19.670.000đ ở những dây hụi không bị D chiếm đoạt. (BL: 360)
- Quách Thị S 13.120.000đ. (BL: 341)
- Đinh Văn N3 35.000.000đ. (BL: 385)
- Phạm Thị P1 14.120.000đ. (BL: 343)
- Lê Thị T1 11.350.000đ. Trong đó, có 4.790.000đ ở những dây hụi không bị D chiếm đoạt. (BL: 337)
- Nguyễn Kim T2 7.060.000đ. (BL: 388)
- Tô Văn Đ1 26.000.000đ. Trong đó, tiền thực đóng là 19.120.000đ. (Bút lục: 820)
- Quách Chí Thanh 29.815.000đ. Trong đó, tiền thực đóng là 24.980.000đ. (Bút lục: 326)
- Trương Mỹ L3 17.000.000đ. (Bút lục: 382, 802)
- Đinh Thị L5 4.870.000đ. (Bút lục: 823)
- Võ Thị L4 18.140.000đ. Trong đó có 15.280.000đ trong những dây hụi không bị D chiếm đoạt. (Bút lục: 825)
- Trương Thị Ánh 11.720.000đ. (Bút lục: 821)
- Nguyễn Thị T9 11.560.000đ. Trong đó, có 5.700.000đ trong dây hụi không bị D chiếm đoạt. (Bút lục: 338)
- Trần Thanh Đ2 5.860.000đ (Bút lục: 344)

- Nguyễn Thị K1 5.860.000đ (Bút lục: 819)
- Trần Văn G1 5.860.000đ (Bút lục: 318)
- Nguyễn Thị T6 23.340.000đ. Trong đó có 17.480.000đ trong những dây hui không bị D chiếm đoạt. (Bút lục: 329)
- Trần Diễm T7 11.560.000đ. Trong đó có 5.700.000đ trong dây hui không bị D chiếm đoạt. (Bút lục: 824)

Tại phiên tòa bị cáo D thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo D thừa nhận là người trực tiếp làm chủ hui, không có người khác tham gia. Việc làm chủ hui, khai hui, gom hui do D trực tiếp quản lý và quyết định. Tuy nhiên, D và N là vợ chồng ở chung nhà nên khi D vắng nhà thì giao cho N đi gom tiền hui, giao tiền hui hoặc có khi D kêu D3 đi gom hui theo giấy ghi của D.

Quá trình làm chủ hui, D đã lợi dụng sự tin tưởng của hui viên, lợi dụng các hui viên không đi khai hui đầy đủ, đã tạo điều kiện cho D thực hiện nhiều hành vi nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các hui viên như: Ghi tên khống hui viên trong danh sách hui tham gia với mục đích để hốt hui, thu tiền hui viên ngoài danh sách, tự ý lấy tên hui viên hốt hui để chiếm đoạt tiền của các hui viên. Trong đó, có 4 dây hui D đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt với tổng số tiền 247.890.000đ như cáo trạng của Viện Kiểm Sát đã truy tố.

Bị cáo Dương xác định trong quá trình điều tra truy tố không bị thu giữ tài sản gì khác so với vật chứng vụ án và xác định Viện kiểm sát truy tố theo cáo trạng là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, không oan sai. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D đồng ý bồi thường số tiền đã chiếm đoạt mà các hui viên là bị hại đặt ra yêu cầu, không yêu cầu đổi chất điều chỉnh, bị cáo và gia đình đã khắc phục được một phần cho các bị hại và đồng ý tiếp tục bồi thường thêm số tiền mà các bị hại (các hui viên) đặt ra tại phiên tòa.

Theo cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 17/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình truy tố bị cáo Dương Trùng Dương về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 17/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình đã truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Trùng D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu lưu trữ theo hồ sơ 10 danh sách hui, 59 giấy xác nhận nhận tiền của D và N dùng để ghi danh sách các dây hui và theo dõi việc khai hui, giao nhận tiền hui. Hiện các đồ vật này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 50.000.000đ, chị Dương Thị B2 là chị ruột của D đã nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục cho các bị hại, hiện Cơ quan điều tra Công an huyện

T đã tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện T, theo giấy nộp tiền ngày 30/10/2023, để đảm bảo việc thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại với bị cáo thỏa thuận mức bồi thường đề nghị công nhận sự giữa các bị hại và bị cáo D. Buộc bị cáo D và bà N liên đới bồi thường cho các bị hại, gồm: Lê Thúy L1 số tiền 26.000.000đ; Phạm Thị G số tiền 15.240.000đ; Hồ Văn B số tiền 9.240.000đ; Vương Chà B1 số tiền 25.480.000đ; Thái Thị Hồng L2 số tiền 48.250.000đ; Nguyễn Văn Q Em số tiền 12.590.000đ; Nguyễn Hoàng K số tiền 12.590.000đ; Trương Mộng C số tiền 12.000.000đ; Tô Kim N1 số tiền 56.500.000đ; Nguyễn Văn P số tiền 35.570.000đ; Trần Văn A số tiền 23.930.000đ; Võ Vũ N2 số tiền 37.190.000đ; Quách Thị S số tiền 13.120.000đ; Đinh Văn N3 số tiền 28.240.000đ; Phạm Thị P1 số tiền 14.120.000đ; Lê Thị T1 số tiền 11.350.000đ; Nguyễn Kim T2 số tiền 7.060.000đ; Tô Văn Đ1 số tiền 19.120.000đ; Quách Chí T8 số tiền 29.815.000đ; Trương Mỹ L3 số tiền 17.000.000đ; Đinh Thị L5 số tiền 4.870.000đ; Võ Thị L4 số tiền 18.140.000đ; Trương Thị Á số tiền 11.720.000đ; Nguyễn Thị T9 số tiền 11.560.000đ; Trần Thanh Đ2 số tiền 5.860.000đ; Nguyễn Thị K1 số tiền 5.860.000đ; Trần Văn G1 số tiền 5.860.000đ; Nguyễn Thị T6 số tiền 23.340.000đ; Trần Diễm T7 số tiền 11.560.000đ. Tổng cộng số tiền 553.175.000đ.

Quá trình điều tra, chị Dương Thị B2 là chị ruột của D đã nộp tại Cơ quan điều tra 50.000.000đ để khắc phục cho các bị hại, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện Thới Bình theo giấy nộp tiền ngày 30/10/2023. Đây là tiền của chị B2 nộp cho D khắc phục hậu quả. Chị B2 không đặt ra yêu cầu D trả lại nên không đặt ra xem xét.

Đối với 09 hội viên (là bị hại) đã thỏa thuận xong, không yêu cầu đến hình sự, dân sự gồm: Trương Văn H, Lê Văn D1, Bùi Thị Hồng D2, Trần Thị H1, Đinh Ngọc T3, Huỳnh Kim T4, Lê Cẩm T5, Trà Thu Đ, Đặng Hữu T10 nên không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Như N là vợ của Dương Trùng D, kết quả điều tra chứng minh được: Việc làm chủ hội do bị cáo D và N tổ chức cho hội viên tham gia, N có phụ giúp D rủ các hội viên tham gia chơi hội, khui hội khi D vắng và đi gom tiền hội. Tuy nhiên, quyết định ai chơi, ai hốt, giao tiền hội cho ai là do D quyết định. Không có chứng cứ chứng minh khi D có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các hội viên, D có bàn bạc với N hay N biết việc D tự ý lấy tên của hội viên để hốt hội. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T không xử lý trách nhiệm hình sự đối với N là phù hợp. Tuy nhiên, N biết và đồng ý việc cùng D làm chủ hội và việc D chiếm đoạt tiền của các hội viên được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân với N nên N phải có nghĩa vụ liên đới cùng bị cáo D trả lại tiền cho các bị hại.

Đối với Võ Thanh D3 là người làm thuê cho D. D3 có đi gom hội của hội viên theo sự phân công của D nhưng việc D lấy tên hội viên để hốt hội D3 không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý D3 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thiện L6, Lý Kim C2, Trương Thị Đ3, Lê Kiều D4, Phạm Văn G2, Quách Thị N4, Võ Thị V, Đoàn Bé H3, Nguyễn Văn V1, Lê Ngọc Đ4, Nguyễn Như K2, Lê Thị Lệ P2, Nguyễn Thị L7, Nguyễn Như Q1, Nguyễn Kiều O,

Nguyễn Thanh T12, Lê Kim P3, Huỳnh Ngọc L8, Huỳnh Hồng N5, Đinh Thị H2 tham gia chơi trong 06 dây hội D chiếm đoạt tiền của hội viên. Những hội viên này đã hốt hội hoặc cho D mượn hội. Hiện D và những hội viên này tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu gì về phần dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì D và những hội viên này có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu về phần dân sự.

Đối với các hội viên: Võ Thanh D3, Trịnh Thị M tham gia chơi hội trong 06 dây hội D có chiếm đoạt tiền của hội viên. D khai những hội viên này đã hốt hội và còn nợ hội chết của D, nhưng quá trình điều tra không làm việc được với những hội viên này do những người này không có mặt ở địa phương và không biết được hiện ở đâu, làm gì nên chưa làm rõ được về phần dân sự liên quan đến vụ án. Nếu không thỏa thuận được, bị cáo D có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu những người này thanh toán cho D.

Đối với 04 dây hội còn lại: dây hội 1.000.000đ/tháng mở ngày 01/02/2021 âm lịch; dây hội 1.000.000đ/tháng mở ngày 29/01/2022 âm lịch; dây hội 1.000.000đ/tháng mở ngày 15/3/2022 âm lịch; dây hội 2.000.000đ/tháng mở ngày 05/8/2022 âm lịch, Cơ quan điều tra đã làm rõ D không thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của hội viên nên đây là giao dịch dân sự. Giữa D và một số hội viên đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu về phần dân sự. Tuy nhiên, có 11 hội viên yêu cầu D, N trả lại tiền đóng hội nhưng chưa được hốt, gồm: Trần Thị C3, Tạ Thanh P4, Nguyễn Ngọc T13, Tạ Quốc T14, Nguyễn Minh T15, Trần Thị Trúc G3, Cao Thị P5, Dương Thị L9, Nguyễn Chí B3, Nguyễn Văn Đ5, Nguyễn Thị Đà . Quá trình điều tra chứng minh được không có dấu hiệu tội phạm đối với những dây hội này, việc các hội viên yêu cầu D trả lại tiền đã đóng hội là quan hệ dân sự, nếu không thỏa thuận được thì những người này có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu D thanh toán.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo biết việc làm của mình là sai khi chiếm đoạt tiền của các hội viên và vi phạm pháp luật nên rất hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về gia đình, lo làm ăn kiếm tiền khắc phục bồi thường cho các bị hại và phụng dưỡng cha mẹ già.

Các bị hại Trần Diễm T7, Lê Văn D1, Phạm Thị P1 có ý kiến xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và những người có liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định

của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và người có liên quan không có ý kiến hay khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên được tiến hành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Trùng D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xác định không oan sai. Với hành vi của bị cáo đã thực hiện và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố. Cụ thể: Dương Trùng D làm chủ hội từ năm 2019, địa điểm khai hội là tại nhà của D tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau để hưởng hoa hồng. Lúc đầu, D làm chủ hội đã giao hội cho hội viên đầy đủ, hoàn thành nhiều dây hội nên được nhiều hội viên ở địa bàn xã H và nhiều xã khác cũng tin tưởng tham gia. Trong quá trình làm chủ hội đến năm 2021, D bị thâm hụt tiền do chi xài cá nhân và trong gia đình, việc tràn lấp hội cho các hội viên dẫn đến mất cân đối, nhưng bị cáo D không dừng hội, mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của hội viên. Lợi dụng việc hội viên không đi khai hội, D đã rất nhiều lần tự ý lấy tên hội viên để bỏ thăm hốt hội trong nhiều dây hội chiếm đoạt với số tiền 247.890.000đ.

Xét thấy, hành vi của bị cáo D thực hiện đã trực tiếp chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại đều là hội viên do D làm chủ hội nên bị cáo D phải gánh chịu hậu quả. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích chiếm đoạt tiền sử dụng cá nhân. Với sự thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích sử dụng cá nhân là vi phạm pháp luật. Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, qua thẩm tra tại phiên tòa cho thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình truy tố bị cáo Dương Trùng D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người khác nhau, gây hoang mang dư luận ở địa phương, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức và biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, với hành vi mà bị cáo đã thực hiện cần được xử lý nghiêm và có mức hình phạt tương xứng, nhằm răn đe, giáo dục, phòng chống phạm tội tương tự có thể xảy ra trong xã hội trong thời gian tới.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo D có hành vi rất nhiều lần tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm hốt hội để chiếm đoạt tiền của hội viên trong nhiều dây hội do mình làm chủ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo nhằm lẫn trong khai báo về số tiền bị cáo chiếm đoạt ban đầu là 190.220.000đ, sau khi điều tra bổ sung thêm số tiền 57.670.000đ

tổng cộng số tiền 247.890.000đ. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải. Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo D đã khắc phục một phần cho các bị hại là hội viên, bằng cách thỏa thuận cho các hội viên thanh toán với nhau. Bị cáo đã tác động, nhờ gia đình trả cho các bị hại Hồ Văn B, Tô Kim N1, Trần Thị H1, Trương Văn H, Trương Mỹ L3, Vương Chà B1. Đồng thời, tác động gia đình nộp tại Cơ quan điều tra 50.000.000đ để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Bị cáo có cha là ông Dương Đình T là người có công với cách mạng. Đồng thời, tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường về trách nhiệm dân sự cho các bị hại đã đặt ra yêu cầu. Tại phiên tòa, đã có nhiều bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến các tình tiết trên và cùng ý kiến của các bị hại để làm căn cứ khi lượng hình, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với những người bị hại có yêu cầu bị cáo D và bà N tiếp tục bồi thường và đã thỏa thuận được số tiền bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N thừa nhận cùng D làm chủ hội tại nhà và biết việc D chiếm đoạt tiền của các hội viên được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, thừa nhận có dùng tiền chi xài, hoạt động trong gia đình. Quá trình điều tra, truy tố bà N đã đồng ý cùng với D bồi thường cho các bị hại mà D đã chiếm đoạt. Do đó, yêu cầu của các bị hại phù hợp với sự thừa nhận của D và N và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cần buộc bị cáo D và N liên đới tiếp tục bồi thường cho các bị hại gồm: Lê Thúy L1 số tiền 26.000.000đ; Phạm Thị G số tiền 15.240.000đ; Hồ Văn B số tiền 9.240.000đ; Vương Chà B1 số tiền 25.480.000đ; Thái Thị Hồng L2 số tiền 48.250.000đ; Nguyễn Văn Q Em số tiền 12.590.000đ; Nguyễn Hoàng K số tiền 12.590.000đ; Trương Mộng C số tiền 12.000.000đ; Tô Kim N1 số tiền 56.500.000đ; Nguyễn Văn P số tiền 35.570.000đ; Trần Văn A số tiền 23.930.000đ; Võ Vũ N2 số tiền 37.190.000đ; Quách Thị S số tiền 13.120.000đ; Đinh Văn N3 số tiền 28.240.000đ; Phạm Thị P1 số tiền 14.120.000đ; Lê Thị T1 số tiền 11.350.000đ; Nguyễn Kim T2 số tiền 7.060.000đ; Tô Văn Đ1 số tiền 19.120.000đ; Quách Chí T8 số tiền 29.815.000đ; Trương Mỹ L3 số tiền 17.000.000đ; Đinh Thị L5 số tiền 4.870.000đ; Võ Thị L4 số tiền 18.140.000đ; Trương Thị Á số tiền 11.720.000đ; Nguyễn Thị T9 số tiền 11.560.000đ; Trần Thanh Đ2 số tiền 5.860.000đ; Nguyễn Thị K1 số tiền 5.860.000đ; Trần Văn G1 số tiền 5.860.000đ; Nguyễn Thị T6 số tiền 23.340.000đ; Trần Diễm T7 số tiền 11.560.000đ. Tổng cộng số tiền 553.175.000đ.

Các bị hại đã thỏa thuận mức bồi thường và không yêu cầu giải trong vụ án này hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[6] Về vật chứng: Xét thấy vật chứng thu giữ là tài liệu sách vở ghi chép trong quá trình làm hội, đã được lập biên bản thu giữ đưa vào hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra, truy tố nên cần tịch thu lưu trữ theo hồ sơ các tài liệu là vật chứng đã đưa vào hồ sơ vụ án gồm: 10 danh sách hội, 59 giấy xác nhận nhận tiền của D và N dùng để ghi danh sách các dây hội và theo dõi việc khai hội, giao nhận tiền hội. Tất cả vật chứng được lập biên bản thu giữ đưa vào lưu hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 50.000.000đ, chị Dương Thị B2 là chị ruột của D đã nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục cho các bị hại, chị B2 không có đặt ra yêu cầu D trả lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với Nguyễn Như N là vợ của Dương Trùng D, kết quả điều tra chứng minh được: Việc làm chủ hội do bị cáo D và N tổ chức cho hội viên tham gia, N có phụ giúp D rủ các hội viên tham gia chơi hội, khui hội khi D vắng và đi gom tiền hội. Tuy nhiên, quyết định ai chơi, ai hốt, giao tiền hội cho ai là do D quyết định. Không có chứng cứ chứng minh khi D có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các hội viên, D có bàn bạc với N hay N biết việc D tự ý lấy tên của hội viên để hốt hội. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T không xử lý trách nhiệm hình sự đối với N là phù hợp.

Đối với Võ Thanh D3 là người làm thuê cho D. D3 có đi gom hội của hội viên theo sự phân công của D nhưng việc D lấy tên hội viên để hốt hội D3 không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý D3 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thiện L6, Lý Kim C2, Trương Thị Đ3, Lê Kiều D4, Phạm Văn G2, Quách Thị N4, Võ Thị V, Đoàn Bé H3, Nguyễn Văn V1, Lê Ngọc Đ4, Nguyễn Như K2, Lê Thị Lệ P2, Nguyễn Thị L7, Nguyễn Như Q1, Nguyễn Kiều O, Nguyễn Thanh T12, Lê Kim P3, Huỳnh Ngọc L8, Huỳnh Hồng N5, Đinh Thị H2 tham gia chơi trong 06 dây hội D chiếm đoạt tiền của hội viên. Những hội viên này đã hốt hội hoặc cho D mượn hội. Hiện D và những hội viên này tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu gì về phần dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì D và những hội viên này có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu về phần dân sự.

Đối với các hội viên: Võ Thanh D3, Trịnh Thị M tham gia chơi hội trong 06 dây hội D có chiếm đoạt tiền của hội viên. D khai những hội viên này đã hốt hội và còn nợ hội chết của D, nhưng quá trình điều tra không làm việc được với những hội viên này do những người này không có mặt ở địa phương và không biết được hiện ở đâu, làm gì nên chưa làm rõ được về phần dân sự liên quan đến vụ án. Nếu không thỏa thuận được, bị cáo D có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu những người này thanh toán cho D.

[8] Vấn đề khác: Đối với 09 hội viên (là bị hại) đã thỏa thuận xong, không yêu cầu đến hình sự, dân sự gồm: Trương Văn H, Lê Văn D1, Bùi Thị Hồng D2, Trần Thị H1, Đinh Ngọc T3, Huỳnh Kim T4, Lê Cẩm T5, Trà Thu Đ, Đặng Hữu T10 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 04 dây hội còn lại: dây hội 1.000.000đ/tháng mở ngày 01/02/2021 âm lịch; dây hội 1.000.000đ/tháng mở ngày 29/01/2022 âm lịch; dây hội 1.000.000đ/tháng mở ngày 15/3/2022 âm lịch; dây hội 2.000.000đ/tháng mở ngày 05/8/2022 âm lịch, Cơ quan điều tra đã làm rõ D không thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của hội viên nên đây là giao dịch dân sự. Giữa D và một số hội viên đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu về phần dân sự. Tuy nhiên, có 11 hội viên yêu cầu D, N trả lại tiền đóng hội nhưng chưa được hốt, gồm: Trần Thị C3, Tạ Thanh P4, Nguyễn Ngọc T13, Tạ Quốc T14, Nguyễn Minh T15, Trần Thị Trúc G3, Cao Thị P5, Dương Thị L9, Nguyễn Chí B3, Nguyễn Văn Đ5, Nguyễn

Thị Đà . Quá trình điều tra chứng minh được không có dấu hiệu tội phạm đối với những dây hui này, việc các hui viên yêu cầu D trả lại tiền đã đóng hui là quan hệ dân sự, nếu không thỏa thuận được thì những người này có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu D thanh toán.

[9] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 106, khoản 1 Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Trùng D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo Dương Trùng D 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 17/10/2023.

Về vật chứng: Tịch thu lưu trữ theo hồ sơ các tài liệu là vật chứng đã đưa vào hồ sơ vụ án gồm: 10 danh sách hui, 59 giấy xác nhận nhận tiền của D và N dùng để ghi danh sách các dây hui và theo dõi việc khai hui, giao nhận tiền hui. Tất cả vật chứng được lập biên bản thu giữ đưa vào lưu hồ sơ vụ án.

Thu giữ và duy trì số tiền 50.000.000đ, đã nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục cho các bị hại, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện T, theo giấy nộp tiền ngày 30/10/2023, để đảm bảo việc thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Dương Trùng D và bà Nguyễn Như N liên đới tiếp tục bồi thường cho các bị hại với số tiền cụ thể, gồm: Lê Thúy L1 số tiền 26.000.000đ; Phạm Thị G số tiền 15.240.000đ; Hồ Văn B số tiền 9.240.000đ; Vương Chà B1 số tiền 25.480.000đ; Thái Thị Hồng L2 số tiền 48.250.000đ; Nguyễn Văn Q Em số tiền 12.590.000đ; Nguyễn Hoàng K số tiền 12.590.000đ; Trương Mộng C số tiền 12.000.000đ; Tô Kim N1 số tiền 56.500.000đ; Nguyễn Văn P số tiền 35.570.000đ; Trần Văn A số tiền 23.930.000đ; Võ Vũ N2 số tiền 37.190.000đ; Quách Thị S số tiền 13.120.000đ; Đinh Văn N3 số tiền 28.240.000đ; Phạm Thị P1 số tiền 14.120.000đ; Lê Thị T1 số tiền 11.350.000đ; Nguyễn Kim T2 số tiền 7.060.000đ; Tô Văn Đ1 số tiền 19.120.000đ; Quách Chí T8 số tiền 29.815.000đ; Trương Mỹ L3 số tiền 17.000.000đ; Đinh Thị L5 số tiền 4.870.000đ; Võ Thị L4 số tiền 18.140.000đ; Trương Thị Á số tiền 11.720.000đ; Nguyễn Thị T9 số tiền 11.560.000đ; Trần Thanh Đ2 số tiền 5.860.000đ; Nguyễn Thị K1 số tiền 5.860.000đ; Trần Văn G1 số tiền 5.860.000đ; Nguyễn Thị T6 số tiền 23.340.000đ; Trần Diễm T7 số tiền 11.560.000đ. Tổng cộng số tiền 553.175.000đ.

Kể từ ngày các bị hại nêu trên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo D và N không thực hiện xong nghĩa vụ dân sự, bồi thường số tiền như đã nêu trên cho các

bị hại, thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bị hại đã thỏa thuận mức bồi thường và không yêu cầu giải trong vụ án này hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Dương Trùng D phải nộp 200.000đ (chưa nộp). Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo D và bà N phải nộp số tiền 24.127.000đ (chưa nộp).

Bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CAND huyện Thới Bình;
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn